

Số: 303 /KH-MGPL

Phước Lại, ngày 19 tháng 8 năm 2024

## **KẾ HOẠCH** **Giáo dục năm học 2024-2025**

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 13/4/2021, hợp nhất về Chương trình GDMN;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư sửa đổi bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc lựa chọn đồ chơi, học liệu trong trường mầm non;

Căn cứ công văn số 2515/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 8/7/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện đồ dùng, đồ chơi và học liệu cho trẻ mầm non năm học 2024-2025.

Căn cứ Công văn số 3044/SGDĐT-GDMN-GDTH ngày 15/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 cấp mầm non;

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, Bộ phận chuyên môn Trường Mẫu giáo Phước Lại xây dựng kế hoạch thực hiện các hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

### **I. Đặc điểm tình hình**

#### **1. Về quy mô trường lớp**

- Trường có 02 điểm trường
- + Điểm chính đặt tại ấp Phước Thới, xã Phước Lại gồm: 05 phòng học (3 lớp lá, 2 lớp chồi).
- + Điểm phụ đặt tại ấp Tân Thanh A, xã Phước Lại gồm: 03 phòng học (03 lớp lá).
- Tổng số lớp: 8 (Lớp chồi: 02; Lớp lá: 08)
- Số trẻ: (4-5 tuổi: 65 trẻ; 5-6 tuổi: 212 trẻ )

#### **2. Về đội ngũ**

- Tổng số CB-GV-NV: 26 (biên chế: 19; hợp đồng 111: 07), GV nghỉ hưu sản 02. Trong đó:
  - CBQL: 02; ▪ Giáo viên: 16 (Biên chế: 16)

- Nhân viên: 08 (Biên chế: 01), hợp đồng: 2 bảo vệ và 5 NVNA).
- Trình độ đào tạo CB-GV-NV:
- CBQL: Trên chuẩn 2/2 (100%).
- GV: trên chuẩn: 14, đạt chuẩn: 02, ( có 01 GV lớn tuổi không thuộc diện đi học nâng chuẩn).
- Nhân viên: Trên chuẩn: 01, đạt chuẩn: 07.
- Chứng chỉ tin học, ngoại ngữ: 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên biên chế có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong chuyên đổi số
- Đảng viên: 9/19, tỷ lệ 47,36%.

### 3. Thuận lợi, khó khăn

#### 3.1. Thuận lợi:

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm lãnh chỉ đạo sâu sát của Phòng Giáo dục Đào tạo Cần Giuộc, Đảng ủy, chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể xã Phước Lại, sự phối hợp chặt chẽ của Ban đại diện cha mẹ học sinh và cha mẹ học sinh.

Tập thể CB-GV-NV đoàn kết, có trách nhiệm với công việc được giao, có ý thức trong công tác tự học, tự bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và năng lực sư phạm. Biết khắc phục khó khăn trong cuộc sống, trong công việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

#### 3.2. Khó khăn:

Đơn vị thiếu 01 Phó hiệu trưởng bán trú và 01 nhân viên y tế, biên chế tối thiểu 01 giáo viên, có đến 02 giáo viên nghỉ thai sản trong học kỳ I.

Chưa có các phòng hành chính quản trị, phòng phục vụ học tập để tổ chức các hoạt động cho trẻ.

Diện tích khuôn viên, sân chơi các điểm trường còn hẹp, chưa đảm bảo diện tích. Vị trí các điểm trường nằm sâu bên trong, lối đi vào nhỏ hẹp không thuận lợi cho việc vận chuyển đồ dùng, dụng cụ phục vụ bán trú cho trẻ, việc xử lý rác còn gặp rất nhiều khó khăn.

Các thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo Thông tư 02 chưa được trang cấp kịp thời để giáo viên khai thác và sử dụng.

Việc bố trí các điểm trường còn xa, chưa thuận lợi cho phụ huynh nhất là phụ huynh ở ấp Mương Chài và Ấp Long Bào.

Đa số phụ huynh là công nhân lao động tại các khu công nghiệp, thời gian chăm sóc, tương tác với trẻ ít nên hiện nay, trẻ bị tật cận thị và có biểu hiện vận động mạnh, rối loạn hành vi cảm xúc khá nhiều phần nào cũng ảnh hưởng đến công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

## II. Mục tiêu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục:

### 1. Mục tiêu chung:

Thực hiện chuyên đề học 2024-2025 “*Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo*”, gắn với chuyên đề học tập và làm theo Bác năm 2024 “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về đổi mới tư duy, sửa đổi lối làm việc, với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và nghĩ thật, nói thật, có hiệu quả thật, người dân được hưởng thụ thật*”, chuyên đề “*Xây dựng trường học hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm*”.

### **1.1. Lĩnh vực phát triển thể chất**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

### **1.2. Lĩnh vực phát triển nhận thức**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói ...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

### **1.3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

#### **1.4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thể hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

#### **1.5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Về học sinh:**

##### **2.1.1 Nuôi dưỡng, chăm sóc**

- 100% trẻ tại trường luôn được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần, phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ ở các cơ sở GDMN theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2021, Thông tư ban hành quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng tránh tai nạn thương tích trong các cơ sở GDMN.

- Duy trì trường được cấp giấy chứng nhận trường, lớp đủ điều kiện an toàn phòng tránh tai nạn thương tích.

- Đảm bảo 100% trẻ học mẫu giáo được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm theo quy định và theo dõi sự phát triển bằng biểu đồ tăng trưởng.

- 100% trẻ đảm bảo theo Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường, không được làm bất cứ điều gì gây tổn thương đến trẻ.

- 8/8 lớp đảm bảo an toàn tai nạn thương tích, tuyệt đối không quất mắng trẻ, tôn trọng và không gây bất cứ điều gì tổn thương tinh thần trẻ. Tiếp tục rà soát các tiêu chuẩn trong Thông tư số 45/2021/TT-BGD&ĐT để kịp thời bổ sung sửa chữa, thay thế.

- 100% trẻ ăn bán trú và được đảm bảo chất lượng bữa ăn bán trú, đủ năng lượng cùng với cân đối giữa các chất sinh năng lượng của thực đơn, tuyệt đối an toàn thực phẩm trong nhà trường, thường xuyên thực hiện phẩm mềm Nutrikids để tính khẩu phần dinh dưỡng hàng ngày, đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ.

- 100 % trẻ được ăn một bữa chính và một bữa phụ, đảm bảo nhu cầu năng lượng của trường khoảng 615 - 726Kcal/trẻ/ngày. Trong đó: bữa chính cung cấp từ 30 – 35% năng lượng cả ngày; bữa phụ từ 15 – 25% năng lượng cả ngày.

\* Tỷ lệ giữa các chất sinh năng lượng:

Chất đạm ( Protit ) cung cấp khoảng 13 – 20% năng lượng khẩu phần

Chất béo ( Lipit ) cung cấp khoảng 25 – 35% năng lượng khẩu phần

Chất bột đường ( Gluxit ) cung cấp khoảng 52 – 60% năng lượng khẩu phần

Đối với trẻ dư cân, năng lượng do chất béo và chất bột đường cung cấp nên duy trì ở mức tối thiểu đồng thời tăng cường cho trẻ ăn nhiều loại rau, củ, quả và tích cực vận động

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi của trẻ mầm non.

- Xây dựng thực đơn thay đổi theo mùa, chú trọng cải tiến các món ăn và phối hợp các món ăn trong ngày hợp lý, tăng cường rau xanh cho trẻ trong các bữa ăn; đảm bảo chất lượng bữa ăn cho trẻ.

- Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi dưới 4 %, giảm ít nhất 0,5-1% số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi so với đầu năm học; không chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì.

- 100% cán bộ giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống bệnh tay- chân- miệng, các bệnh thường gặp và dịch bệnh cho trẻ ở lớp. Phần đầu không để xảy ra dịch bệnh trong nhà trường.

- 8/8 lớp đảm bảo tạo môi trường xanh, sạch, đẹp trong và ngoài lớp, lồng ghép giáo dục kiến thức an toàn giao thông để đảm bảo an toàn cho trẻ khi đến trường.

- Giáo dục trẻ giữ gìn vệ sinh cá nhân, chăm sóc sức khỏe. Vệ sinh phòng, nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước, xử lý rác thải tốt.

### **2.1.2 Giáo dục**

- Duy trì sĩ số: 100%

- Trẻ sạch sẽ, lễ phép: 100% - Chuyên cần: 95% trở lên, - Bé ngoan: 94 % trở lên.

- Trẻ đạt CNBT: trên 85%. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, béo phì (đến mức thấp nhất) so với đầu năm học.

- 90 % trẻ thực hiện nội quy, bước đầu có kỹ năng sống.

- 95% trẻ 5-6 tuổi nhận biết và sao chép được 29 chữ cái và tên của mình, nhận biết được 10 chữ số thêm bớt trong phạm vi 10.

- 90% trẻ 4 tuổi biết được 10 chữ số đầu.

- Khảo sát đánh giá trẻ các độ tuổi đạt yêu cầu: 90% trở lên.

- 100% trẻ có các kỹ năng cơ bản.

- 100% trẻ biết chải răng đúng cách.

- 8/8 lớp có đầy đủ hồ sơ, sổ sách của cô, của trẻ và cập nhật thông tin hàng ngày.

## **2.2. Về giáo viên**

- 100% GV biết xây dựng kế hoạch, biết ứng dụng CNTT trong việc soạn giảng.

- 100% GV thực hiện tốt lịch sinh hoạt một ngày của trẻ. Tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ có kế hoạch, giáo án và đồ dùng giáo cụ, xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

- 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch bệnh, bệnh tay- chân- miệng, các bệnh thường gặp theo mùa.

- 100% cán bộ giáo viên không vi phạm đạo đức nhà giáo, đảm bảo an toàn tuyệt đối về mặt thể chất và tinh thần cho trẻ.

- 100% giáo viên cam kết không đánh mắng, dọa nạt trẻ, không để trẻ xảy ra tai nạn thương tích.

- 08/08 lớp có đầy đủ hồ sơ, sổ sách của cô, của trẻ và cập nhật thông tin hàng ngày.

- 08/08 lớp đảm bảo tạo môi trường xanh, sạch, đẹp trong và ngoài lớp, đảm bảo an toàn cho trẻ khi đến trường.

- 08/08 lớp tùy vào tình thực tế của lớp học, khả năng của trẻ giáo viên tổ chức hoạt động giáo dục lồng ghép phương pháp giáo dục stem/steam một cách nhẹ nhàng vào các hoạt động trong ngày của trẻ.

- 100% giáo viên thực hiện lồng ghép các chuyên đề trong năm học vào kế hoạch NDCSGD trẻ.

- 100% giáo viên phải tự làm ĐDDC và sưu tầm phế liệu làm ĐDDC theo chủ đề và chuẩn bị đầy đủ đồ dùng đồ chơi, học liệu cho cô và trẻ.

- 100% giáo viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

- 100% GV có sáng kiến đổi mới phương pháp tổ chức cho trẻ.

- 100% GV thực hiện đúng quy chế chuyên môn.

- 100% lớp có đủ thiết bị phục vụ hoạt động chăm sóc giáo dục đảm bảo thực hiện đúng đủ, linh hoạt sáng tạo chương trình.

- 100% GV được dự giờ, thao giảng, hội giảng theo kế hoạch.

### III. Nội dung giáo dục năm học: (Đính kèm phụ lục)

#### 1. Phát triển thể chất

##### *Phát triển vận động*

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.
- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

##### *Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ*

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khoẻ.
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khoẻ và an toàn.

#### 2. Phát triển nhận thức

##### *Khám phá khoa học*

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

##### *Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo qui tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

##### *Khám phá xã hội*

- Bản thân, gia đình, họ hàng, cộng đồng, quê hương đất nước
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

#### 3. Phát triển ngôn ngữ

##### *Nghe*

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

### ***Nói***

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.
- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.
- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

### ***Làm quen với việc đọc, viết***

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

## **4. Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội**

### ***Phát triển tình cảm***

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

### ***Phát triển kĩ năng xã hội***

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.

## **5. Phát triển thẩm mỹ**

- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.
- Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

## **IV. Thời gian thực hiện chương trình**

### **1. Thời gian thực hiện**

Thời gian: 35 tuần

Học kì I (18 tuần): Từ ngày 09/09/2024 đến ngày 10/01/2025.

Học kì II (17 tuần): Từ ngày 13/01/2025 đến ngày 16/05/2025.



Ngày vào chương trình tuần 01: 09/09/2024

Kết thúc HK1: 10/01/2025

Nghỉ tết nguyên đán từ: 24/01 - 02/02/2025

Hoàn thành chương trình: 16/05/2025

Tuần lễ dự phòng: 19-23/5/2025

Kết thúc năm học: trước 31/5/2025

## 2. Dự kiến các chủ đề

### 2.1 Khối Chồi

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TUẦN	NGÀY THỰC HIỆN	SỰ KIỆN
01	Trường mầm non	03	09/09 - 27/09/2024	Ngày khai giảng năm học Ngày tết trung thu
02	Bản thân	03	30/09 - 18/10/2024	Ngày 20/10 ngày PNVN
03	Gia đình	04	21/10 - 15/11/2024	
04	Ngành nghề	04	18/11 - 13/12/2024	Ngày 20/11 ngày NGVN
05	Thực vật	04	16/12 - 10/01/2025	Ngày 22/12 ngày thành lập QĐNDVN
06	Tết – Mùa xuân	02	13/01 - 24/01/2025	Tết dương lịch 2025
<b>Nghỉ tết Nguyên Đán</b>		<b>0</b>	<b>24/01 - 02/02/2025</b>	<b>Tết nguyên đán</b>
07	Nước-Hiện tượng tự nhiên	02	03/02 - 14/02/2025	
08	Thế giới động vật	05	17/02 - 21/03/2025	Ngày 08/03 ngày QTPN
09	Phương tiện và luật lệ giao thông	04	24/03 - 18/04/2025	Ngày giỗ tổ Hùng Vương
10	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	04	21/04 - 16/05/2025	Nghỉ lễ 30/04 và 01/05 Ngày sinh Bác Hồ 19/05
<b>Tổng cộng 10 chủ đề</b>		<b>35 tuần</b>		
<b>Tuần lễ dự phòng 19/05-23/05/2025</b>				

**2.2 Khối Lá:**

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TUẦN	NGÀY THỰC HIỆN	SỰ KIỆN
01	Trường mầm non	03	09/09 - 27/09/2024	Ngày khai giảng năm học Ngày tết trung thu
02	Bản thân	03	30/09 - 18/10/2024	Ngày 20/10 ngày PNVN
03	Gia đình	04	21/10 - 15/11/2024	
04	Ngành nghề	04	18/11 - 13/12/2024	Ngày 20/11 ngày NGVN
05	Thực vật	04	16/12 - 10/01/2025	Ngày 22/12 ngày thành lập QĐNDVN
06	Tết – Mùa xuân	02	13/01 - 24/01/2025	Tết dương lịch 2025
<b>Nghỉ tết Nguyên Đán</b>		<b>0</b>	<b>24/01 - 02/02/2025</b>	<b>Tết nguyên đán</b>
07	Nước-Hiện tượng tự nhiên	02	03/02 - 14/02/2025	
08	Thế giới động vật	04	17/02 - 14/03/2025	Ngày 08/03 ngày QTPN
09	Phương tiện và luật lệ giao thông	04	17/03 - 11/04/2025	Ngày giỗ tổ Hùng Vương
10	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	03	14/04 - 02/05/2025	Nghỉ lễ 30/04 và 01/05 Ngày sinh Bác Hồ 19/05
11	Trường tiểu học	02	05/5 – 16/5/2025	
<b>Tổng cộng 10 chủ đề</b>			<b>35 tuần</b>	
<b>Tuần lễ dự phòng 19/05-23/05/2025</b>				

(Lưu ý: tùy vào tình hình thực tế của lớp mà giáo viên có thể thay đổi các chủ đề và số tuần dạy).

**V. Biện pháp thực hiện****1. Quản lý chỉ đạo về công tác chuyên môn**

- Triển khai đến giáo viên các văn bản có liên quan đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục theo Chương trình GDMN sau sửa đổi VBHN số 01/VBNH-BGDĐT của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo ngày 13/4/2021 hợp nhất Chương trình GDMN theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT, ngày 25/7/2009, thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 31/12/2016, Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đến toàn thể giáo viên.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục và kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 tại đơn vị.

- Chỉ đạo bộ phận chuyên môn hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục của lớp và duyệt trước khi truyền tải đến trẻ.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh học sinh qua các nhóm qua Zalo lớp, fb,... về chương trình chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng trẻ và các thông tin liên quan.

- Chỉ đạo giáo viên phải sâu sát, nắm bắt cụ thể về tình hình sức khỏe của trẻ em trong thời gian trẻ tới trường, lớp và trong suốt năm học.

- Giám sát chặt chẽ giáo viên thực hiện chế độ sinh hoạt trong ngày của cô và trẻ: Thực hiện đầy đủ, đúng giờ các hoạt động trong ngày của trẻ thông qua quản lý lịch báo giảng, thăm lớp.

- Thường xuyên phát động, tổ chức, tham gia các phong trào thi đua giờ dạy tốt, làm đồ dùng dạy học, để hỗ trợ tốt cho công tác giảng dạy và bồi dưỡng cho giáo viên:

- Tạo điều kiện để giáo viên lựa chọn nội dung giảng dạy, linh hoạt trong việc sử dụng phương pháp tổ chức các hoạt động trong từng lĩnh vực: Phát triển thể chất, Nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm kỹ năng xã hội, thẩm mỹ tạo cơ hội giúp trẻ được quan sát trải nghiệm, khám phá theo nhiều cách khác nhau.

- Hướng dẫn 100% giáo viên thực hiện tốt đổi mới phương pháp giáo dục mầm non theo quan điểm “xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”. Phát huy sáng tạo trong việc đổi mới phương pháp giáo dục: Thiết kế bài dạy nhẹ nhàng, phù hợp với nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi. Lựa chọn nội dung tích hợp phù hợp với từng chủ đề, từng hoạt động, thu hút sự tham gia tích cực của trẻ, chú ý đến tác phong, thái độ, cử chỉ của cô đối với trẻ. Tăng cường các hoạt động vui chơi, trải nghiệm, khám phá cho trẻ.

- Tuyệt đối không để xảy ra GV dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ, đảm bảo chuẩn bị tốt các kỹ năng cần thiết cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1.

- Đánh giá đúng năng lực của giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp.

- Chỉ đạo 08/08 lớp tùy vào tình thực tế của lớp học, khả năng của trẻ giáo viên tổ chức hoạt động giáo dục lồng ghép phương pháp giáo dục stem/steam một cách nhẹ nhàng vào các hoạt động trong ngày, tạo điều kiện cho trẻ từng bước tiếp cận với phương pháp dạy học Stem/Steam theo hướng tương tác với phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi”. Chọn 2 lớp điểm thực hiện phương pháp dạy học Stem/Steam (mỗi chủ đề xây dựng 1 hoạt động dạy

theo phương pháp dạy học Stem/Steam: Lá 4, chồi 1, 6/8 lớp mỗi học kỳ xây dựng ít nhất 5 hoạt động dạy theo phương pháp dạy học Stem/Steam.

- Chỉ đạo 100% giáo viên thực hiện lồng ghép các chuyên đề trong năm học vào kế hoạch NDCSGD trẻ. Đảm bảo 08/08 lớp có thực hiện lồng ghép chuyên đề “ Quyền con người”.

## **2. Đánh giá sự phát triển của trẻ**

- Đánh giá sự phát triển của trẻ: bao gồm đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn (cuối chủ đề, đánh giá trẻ cuối độ tuổi) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

Thực hiện lưu trữ minh chứng trong quá trình đánh giá vào hồ sơ cá nhân trẻ.

Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra kết quả đánh giá trẻ của giáo viên các lớp.

## **3. Công tác bồi dưỡng giáo viên**

### **3.1 Tăng cường bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng sư phạm**

- Cung cấp tài liệu cho giáo viên về chương trình GDMN; Bồi dưỡng thường xuyên; Bộ chuẩn trẻ 5 tuổi; Điều lệ trường mầm non; Chương trình GDMN, ...

- Tổ chức tập huấn chuyên môn cho 100% giáo viên; Khuyến khích GV tham gia học bồi dưỡng thường xuyên, nâng cao tinh thần tự học, tự rèn.

- Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

- Rèn kỹ năng quan sát, đánh giá trẻ một cách hiệu quả. Bồi dưỡng và kiểm tra chặt chẽ việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục của các khối, lớp: Mục tiêu yêu cầu phù hợp với độ tuổi, khả năng phát triển của trẻ, lựa chọn các hoạt động mới lạ phát huy khả năng tích cực, trải nghiệm cho trẻ. Yêu cầu hồ sơ, giáo án đầy đủ, không chông chéo, ôm đồm, chú ý tới mục tiêu, yêu cầu đã đề ra đảm bảo về kiến thức, kỹ năng thái độ chú ý về rèn kỹ năng cho trẻ phù hợp với điều kiện trường lớp, số học sinh và thời gian tổ chức hoạt động.

-Thực hiện có chất lượng Chương trình GDMN.

- Hướng dẫn giáo viên khai thác các nội dung giáo dục tích hợp trong quá trình giáo dục cho trẻ: Giáo dục An toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, tài nguyên, hải đảo; Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả, biến đổi khí hậu, phòng cháy chữa cháy, kỹ năng sống,... vào chủ đề một cách nhẹ nhàng, hợp lý, phù hợp với trẻ mầm non. Khi tích hợp theo chủ đề, tích hợp theo ngày cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các hoạt động giáo dục. Trong quá trình giảng dạy yêu cầu giáo viên đặc biệt coi trọng việc hình thành kỹ năng

sống cho trẻ trong thông qua các hoạt động trong ngày: Rèn kỹ năng tự phục vụ, nề nếp sinh hoạt thói quen vệ sinh, tự lập, biết quan tâm đến mọi người, mạnh dạn trong giao tiếp, thân thiện với bạn, lễ phép với người lớn,...

- Nâng cao chất lượng một số góc chơi, giáo viên tổ chức nội dung còn nghèo nàn, chưa lôi kéo trẻ vào hoạt động: Góc thiên nhiên, góc sách truyện,... Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức nêu gương.

- Khuyến khích giáo viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học,...

### **3.2 Tổ chức, tham gia chuyên đề**

- Thực hiện chuyên đề học 2024-2025 “*Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo*”, gắn với chuyên đề học tập và làm theo Bác năm 2024 “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về đổi mới tư duy, sửa đổi lối làm việc, với tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và nghĩ thật, nói thật, có hiệu quả thật, người dân được hưởng thụ thật*”, chuyên đề “*Xây dựng trường học hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm*”.

- Tham dự các chuyên đề do Phòng GD&ĐT tổ chức.

### **4. Tạo môi trường giáo dục sinh động, hấp dẫn; tăng cường đồ dùng đồ chơi; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.**

- Phát động phong trào thi đua cho GV toàn trường: Xây dựng môi trường giáo dục Xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện - gần gũi - sáng tạo đảm bảo tính sư phạm theo hướng mở.

- Thường xuyên thay đổi góc chơi, đồ dùng đồ chơi ở các góc,...trong các lớp.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ quá trình giáo dục trẻ.

- Tập trung đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục theo quan điểm Lấy trẻ làm trung tâm:

+ Tăng cường phương pháp dạy học tích cực. Giáo viên gần gũi cùng tham gia với trẻ, biết khai thác, tận dụng các cơ hội, tình huống thực tế, những thứ có sẵn trong môi trường lớp học và thiên nhiên để dạy cho trẻ, học theo nhu cầu khả năng, không gò bó, ép buộc trẻ.

+ Tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, khám phá, kích thích trẻ suy nghĩ thông qua hệ thống câu hỏi gợi mở. Khuyến khích trẻ chia sẻ ý kiến và đặt câu hỏi cho cô và bạn.

+ Coi trọng quá trình trẻ làm ra sản phẩm. Việc cho trẻ tạo ra sản phẩm để trẻ được tự làm tránh sự can thiệp nhiều của giáo viên vào sản phẩm của trẻ.

+ Phối hợp các hình thức tổ chức trong giáo dục trẻ. Tạo cho trẻ mạnh dạn trong giao tiếp, thân thiện với bạn bè, tích cực trong các hoạt động vui chơi, học tập.

+ Phối hợp cùng với giáo viên lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập lập hồ sơ, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân, theo dõi kiểm tra, đánh giá điều chỉnh kế hoạch (nếu có).

- Huy động nguồn lực (mạnh thường quân) trang bị học liệu cần thiết cho trẻ. Khuyến khích giáo viên phối hợp với phụ huynh và trẻ làm đồ dùng đồ chơi tự tạo.

### **5. Tổ chức ngày hội, ngày lễ.**

- Tổ chức các ngày lễ, ngày hội trong năm, đảm bảo 100% các cháu được tham gia các hoạt động lễ hội.

### **6. Kiểm tra, đánh giá**

- Thực hiện dự giờ thăm lớp, thao giảng, hội giảng theo kế hoạch.

- Kiểm tra hoạt động sư phạm, thực hiện qui chế chuyên môn, môi trường sư phạm, nề nếp lớp.

- Kiểm tra hồ sơ sổ sách của giáo viên, bộ đồ dùng học tập của trẻ.

### **7. Phát động phong trào thi đua**

- Tổ chức hội thi “Tiết dạy tốt”. chào mừng 20/11

+ Thời gian: tháng 11/2024.

- Tổ chức hội thi bé vẽ tranh cấp trường.

+ Thời gian: Tháng 12/2024.

- Tham gia các hội thi dành cho trẻ cấp huyện (nếu có).

### **8. Công tác tuyên truyền, phối hợp**

- Tổ chức họp PHHS tuyên truyền công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; tuyên truyền cho cha mẹ về kiến thức chăm sóc sức khỏe, vệ sinh phòng dịch bệnh đau mắt đỏ, sốt xuất huyết, bệnh bạch hầu và các bệnh thường gặp,... phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ.

- Kết hợp phụ huynh trong việc rèn các kỹ năng sống cho trẻ ở trường và ở nhà. Huy động trẻ ra lớp tốt đảm bảo tỉ lệ chuyên cần, đặc biệt trẻ 5 tuổi đạt trên 95% theo quy định phổ cập giáo dục.

- Thường xuyên phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

- Thực hiện truyền thông dưới nhiều hình thức: phát thanh học đường, bản tin bố mẹ cần biết, website trường, tờ bướm, tờ rơi, ...

- Phối kết hợp với ban ngành đoàn thể truyền thông đến người dân về GDMN.

## **VI. Tổ chức thực hiện:**

### **1. Đối với Cán bộ quản lý**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục năm học đến cán bộ, giáo viên triển khai trong các cuộc họp hội đồng, họp chuyên môn trường.
- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên thực hiện
- Kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Đánh giá, rút kinh nghiệm, phát huy ưu điểm, khắc phục yếu kém kịp thời cho giáo viên, nhân viên.
- Thực hiện chế độ báo cáo cấp trên kịp thời.

### **2. Đối với tổ trưởng chuyên môn.**

- Xây dựng kế hoạch cụ thể theo độ tuổi và triển khai đến toàn thể giáo viên trong tổ.
- Tổ chức họp tổ chuyên môn theo quy định (02 lần/tháng). Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, tổ chức dự giờ kiểm tra năng lực chuyên môn của các thành viên tổ, phát huy những giải pháp sáng tạo trong nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ. Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ kịp thời cho các thành viên còn yếu.
- Tổng hợp thi đua hàng tháng.
- Đề xuất khen thưởng, phê bình các thành viên của tổ trong quá trình thực hiện.
- Báo cáo kết quả thực hiện đến lãnh đạo nhà trường kịp thời.

### **3. Đối với giáo viên**

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của lớp.
- Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo kế hoạch và điều chỉnh phù hợp.
- Tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp; làm đồ dùng dạy học; khai thác và sử dụng hiệu quả đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ quá trình giáo dục.
- Tham gia các phong trào, hoạt động chuyên môn do trường và ngành phát động.

Trên đây là kế hoạch giáo dục năm học 2024 – 2025 của trường Mẫu Giáo Phước Lại./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- Hội đồng trường;
- Phó hiệu trưởng;
- Các thành viên TCM;
- Lưu: VT.


  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG**  
**MẪU GIÁO**  
**PHƯỚC LẠI**  
**Nguyễn Thị Gái**

**Duyệt của Hội Đồng Trường  
TM.HĐT  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Gái

**DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thành Công



## PHỤ LỤC

### 1. Khối Chồi:

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
<b>Lĩnh vực 1: Phát triển thể chất</b>	
Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: tay , chân, bụng, bật.
Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: đi liên tục trên ghế thể dục hoặc vạch kẻ thẳng trên sàn, đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	- Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
Trẻ kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích đặc (đổi hướng) theo vật chuẩn.
Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động : Tung bắt bóng . Ném trúng đích đứng . Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	Tung bóng lên cao và bắt; Tung bắt bóng với người đối diện; Đập và bắt bóng tại chỗ, Ném xa bằng 1 tay, 2 tay; Ném trúng đích bằng 1 tay, Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.
Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây, bò trong đường đích đặc.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60-80m - Trườn theo hướng thẳng - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò đích đặc qua 5 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m - Trèo lên, xuống 5 giống thang. - Trèo qua ghế dài 1,5mx30 cm - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m.
Trẻ biết thực hiện được các vận động: Cuộn, xoay tròn cổ tay; Gập, mở các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi ...; Gập giấy; Lắp ghép hình; Xé, cắt đường thẳng; Tô,vẽ hình; Cài, cởi cúc xâu,

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	buộc dây.
Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: vẽ, cắt, xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối, tết sợi đôi, tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ hình người, nhà, cây.</li> <li>- Cắt thành thạo theo đường thẳng.</li> <li>- Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối.</li> <li>- Biết tết sợi đôi.</li> <li>- Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.</li> </ul>
Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).</li> <li>- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.</li> <li>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</li> <li>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật.</li> </ul>
Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đánh răng, lau mặt</li> <li>- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi qui định.</li> </ul>
Trẻ biết thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết tự rửa tay bằng xà phòng.</li> <li>- Biết tự lau mặt, đánh răng.</li> <li>- Biết tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn; Biết giữ gìn đầu tóc, quần áo gọn gàng.</li> </ul>
Trẻ có hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.</li> <li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, VSMT đối với sức khỏe con người.</li> <li>- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.</li> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.</li> </ul>
Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</li> <li>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</li> </ul>
<b>Lĩnh vực 2: Phát triển nhận thức</b>	
Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân
Trẻ biết nói họ tên, công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	- Họ tên công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình
Trẻ biết tên, địa chỉ trường lớp khi được hỏi và trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và cô bác ở trường
Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn	- Họ tên một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
trong lớp khi được hỏi và trò chuyện.	
Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội, cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng,...	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.	- Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.
Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu .	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả, ĐDDC. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật, ĐDDC theo 1 - 2 dấu hiệu.
Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	- Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.
Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề - Hát các bài hát chủ đề - Vẽ, xé dán, nặn, ....
Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà,

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	biển số xe,..).
Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</li> <li>- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.</li> </ul>
Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</li> <li>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm</li> <li>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.</li> </ul>
Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.</li> <li>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.</li> </ul>
Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.</li> </ul>
Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.</li> </ul>
Trẻ biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).</li> </ul>
Trẻ biết nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.</li> </ul>
Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.</li> <li>- Đo dung tích bằng một đơn vị đo</li> </ul>
Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,....)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.</li> </ul>
Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</li> </ul>
Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).</li> </ul>
Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.</li> </ul>
<b>Lĩnh vực 3: Phát triển ngôn ngữ.</b>	

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
Trẻ nghe hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
Trẻ nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ
Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
Trẻ sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động và đặc điểm...	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh
Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép. - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh
Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại truyện đã được nghe.
Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe. - Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. - Đóng kịch. - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó
Trẻ sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
Trẻ cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh, “đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt).	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ
Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
Trẻ sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu,	- Nhận dạng một số chữ cái

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
thiệp chúc mừng...	
<b>Lĩnh vực 4: Phát triển tình cảm- kỹ năng xã hội</b>	
Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ	- Tên, tuổi, giới tính (Tên gì? bao nhiêu tuổi? trai hay gái)
Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân
Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi mà mình thích.
Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao	- Trục nhật, dọn đồ chơi.
Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.
Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ qua tranh, ảnh, bài thơ, câu chuyện.
Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ, chăm ngoan xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ
Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.
Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác.
Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác
Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung.	- Hợp tác, quan tâm, giúp đỡ bạn (chơi, trực nhật...)
Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường
Trẻ không bẻ cành, hái hoa.	- Bảo vệ, chăm sóc hoa và cây cối
Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt	- Tiết kiệm điện, nước.

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
điện.	
<b>Lĩnh vực 5: Phát triển thẩm mỹ</b>	
Trẻ thể hiện vui sướng, vỗ tay, làm các động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc gợi cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc - Nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
Trẻ thích thú ngắm nhìn, sờ, chỉ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp với các tác phẩm nghệ thuật.
Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát
Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, các vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng xé dán, cắt để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
Trẻ biết làm lốm, dõ bẹt, bẻ lo, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích
Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác	- Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
nhau.	
Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.
Trẻ biết lựa chọn hình thức và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn các hình thức vận động theo nhạc.
Trẻ biết lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra sản phẩm tạo hình theo ý thích	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình
Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

## 2. Khối Lá:

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
<b>Lĩnh vực 1: Phát triển thể chất</b>	
Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của các bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Tay: Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân); co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái; Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái, Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau; Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau.
Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động.	- Đi và chạy: Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối; Đi nổi bàn chân tiến, lùi.
Trẻ biết kiểm soát được vận động.	- Bò, trườn, trèo: Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m; Bò dích dắc qua 7 điểm; Trèo lên xuống 7 giống thang.
Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động.	- Tung, ném, bắt: Tung bóng lên cao và bắt; Tung, đập bắt bóng tại chỗ; Đi và đập bắt bóng; Ném xa bằng 1 tay, 2 tay; Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân, Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4 m (Chỉ số 3).



Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	-Bật-nhảy: Bật liên tục vào vòng, Bật xa 40-50cm (Chỉ số 1); Bật-nhảy từ trên cao xuống (40-50cm) (Chỉ số 2); Nhảy lò cò 5 m.
Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.	-Đi và chạy: Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích đặc theo hiệu lệnh; Chạy 18m trong khoảng 10 giây (Chỉ số 12); Chạy chậm khoảng 100-120m.
Trẻ biết thực hiện được các vận động.	-Các cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay: Bẻ, nắn; Lấp ráp; Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
Trẻ biết phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động.	- Xé, cắt đường vòng cung. - Các cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay: Tô, đồ theo nét; Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây; Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số; Cắt được theo đường viền của hình vẽ, Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.
Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm (GD Kỹ năng sống).	- Nhận biết, phân loại 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
Trẻ biết: ăn nhiều thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe (Chỉ số 19,20).	- Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn, thức uống. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
Trẻ biết thực hiện một số việc đơn giản (GD Kỹ năng sống).	- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay, rửa tay bằng xà phòng( Chỉ số 15,16). - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định (Chỉ số 5); Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.
Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo (GD Kỹ năng sống).	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống (GD Kỹ năng sống).	- Tập luyện 1 số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh. (GD Kỹ năng sống).	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sang ngủ dậy.

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.</li> <li>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</li> <li>- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy</li> <li>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</li> <li>- Che miệng khi ho, hắt hơi (Chỉ số 17).</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhỏ bậy ra lớp.</li> </ul>
<p>Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. (GD Kỹ năng sống).</p>	<p>Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (Chỉ số 21,22).</p>
<p>Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm khi đến gần. (GD Kỹ năng sống).</p>	<p>Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng</p>
<p>Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh (GD Kỹ năng sống).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nhận biết 1 số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.</li> <li>-Biết: Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc...</li> <li>-Biết không tự ý uống thuốc.</li> <li>-Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe (Chỉ số 26).</li> </ul>
<p>Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ (GD Kỹ năng sống).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nhận biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu...</li> <li>-Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</li> <li>-Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...(Chỉ số 25).</li> <li>-Biết tránh một số trường hợp không an toàn:</li> <li>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi (Chỉ số 24).</li> <li>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</li> </ul>
<p>Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn (GD Kỹ năng sống).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</li> <li>- Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</li> </ul>

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Trẻ biết trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.(Chỉ số 4)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...</li> <li>- Trèo lên, xuống liên tục phối hợp chân nọ tay kia (hai chân không bước vào một bậc thang).</li> <li>- Trèo xuống tự nhiên, không cúi đầu nhìn xuống chân khi bước xuống.</li> <li>- Trèo lên thang ít nhất được 1,5 mét.</li> </ul>
Trẻ biết tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ. (Chỉ số 6)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầm bút đúng: bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bằng ngón giữa.</li> <li>- Tô màu đều, không chòem ra ngoài nét vẽ.</li> </ul>
Trẻ biết cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. (Chỉ số 7)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cắt được hình, không bị rách.</li> <li>- Đường cắt lượn sát theo nét vẽ.</li> </ul>
Trẻ biết dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn. (Chỉ số 8)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bôi hồ đều.</li> <li>- Các chi tiết không chồng lên nhau.</li> <li>- Dán hình vào bức tranh phẳng phiu.</li> </ul>
Trẻ biết nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (Chỉ số 9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đổi chân mà không dừng lại.</li> <li>- Biết dừng lại theo hiệu lệnh.</li> <li>- Nhảy lò cò 5-7 bước liên tục về phía trước .</li> </ul>
Trẻ biết đập và bắt được bóng bằng 2 tay. (Chỉ số 10)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi và đập bắt bóng bằng hai tay .</li> </ul>
Trẻ biết đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). (Chỉ số 11)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi bước lên ghế không mất thăng bằng.</li> <li>- Khi đi mắt nhìn thẳng.</li> <li>- Giữ được thăng bằng hết chiều dài của ghế.</li> </ul>
Trẻ biết chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian. (Chỉ số 13)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy với tốc độ chậm, đều.</li> <li>- Phối hợp tay chân nhịp nhàng.</li> <li>- Chạy được 150 mét liên tục.</li> <li>- Đến đích vẫn tiếp tục đi bộ được 2 - 3 phút.</li> <li>- Không có biểu hiện quá mệt mỏi: thở dồn, thở gấp, thở hổn hển kéo dài.</li> </ul>
Trẻ biết tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút. (Chỉ số 14)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia hoạt động tích cực .</li> <li>- Không có biểu hiện mệt mỏi như ngáp, ngủ gật,...</li> </ul>
Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (Chỉ số 18)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chải tóc, vuốt tóc khi bù rối.</li> <li>- Xóc lại quần áo khi bị xô xệch.</li> </ul>
Trẻ biết không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. (Chỉ số 23)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt được nơi bẩn và sạch.</li> <li>- Phân biệt được nơi nguy hiểm (gần hồ / ao / sông / suối/ vực/ ổ điện...) và không</li> </ul>

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	nguy hiểm.
<b>Lĩnh vực 2: Phát triển nhận thức</b>	
Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	-Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. -Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. -Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	-Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. -So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật (UDCNTT).
Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận (UDCNTT).	-Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. -Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.(Chỉ số 96).	-Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. -Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
-Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	-Các nguồn nước trong môi trường sống. -Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. -Một số đặc điểm, tính chất của nước. -Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. (GD BVMT-TNTN).
Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. -Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
động chơi, âm nhạc và tạo hình...	
Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	- Thích đếm đồ vật, cây cối, con vật, xe cộ... xung quanh.
Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	Gộp các nhóm đối tượng và đếm.
Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	- Tách một nhóm thành hai nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau.
Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).
Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Hiểu qui tắc sắp xếp và biết sắp xếp theo yêu cầu của cô.
Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.
Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Tạo ra qui tắc sắp xếp.
Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.</li> <li>- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.</li> <li>- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.</li> </ul>
Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.
Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.
Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.
Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.
Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.
Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	- Tên gọi, đặc điểm, ý nghĩa của các danh lam thắng cảnh mà trẻ biết.

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Trẻ biết gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung. (Chỉ số 92).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi tên các con vật/cây gần gũi xung quanh.</li> <li>- Tìm được đặc điểm chung của 3 (hoặc 4) con vật/ cây.</li> <li>- Đặt tên cho nhóm những con/cây này bằng từ khái quát thể hiện đặc điểm chung</li> </ul>
Trẻ biết nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên. (Chỉ số 93).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi tên từng giai đoạn phát triển của đối tượng (cây/con) thể hiện trên tranh ảnh.</li> <li>- Sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển.</li> <li>- Nhận ra và sắp xếp theo trình tự của sự thay đổi của cây cối, con vật, hiện tượng tự nhiên (Ví dụ: búp, lá non, lá già, lá vàng....)</li> </ul>
Trẻ biết nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. (Chỉ số 94).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của mùa đó.</li> <li>- Nêu được khác biệt cơ bản giữa hai mùa (hè với đông; mùa mưa với mùa khô).</li> </ul>
Trẻ biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (Chỉ số 95).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo.</li> <li>- Giải thích dự đoán của mình</li> </ul>
Trẻ biết phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. (Chỉ số 96).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày</li> <li>- Trẻ nhận ra đặc điểm chung về công dụng/chất liệu của 3 (hoặc 4) đồ dùng.</li> <li>- Xếp những đồ dùng đó vào một nhóm và gọi tên nhóm theo công dụng hoặc chất liệu theo yêu cầu.</li> </ul>
Trẻ biết kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (Chỉ số 97).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể, hoặc trả lời được câu hỏi của người lớn về những điểm vui chơi công cộng/trường học/nơi mua sắm/ khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến.</li> </ul>
Trẻ biết kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (Chỉ số 98).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ kể được tên một số nghề phổ biến ở nơi trẻ sống; Sản phẩm của nghề đó; Công cụ để làm nghề đó</li> </ul>
Trẻ biết nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc. (Chỉ số 99).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe bản nhạc/ bài hát vui hay buồn gần gũi và nhận ra được bản nhạc/ bài hát nào là vui hoặc buồn</li> </ul>
Trẻ biết hát đúng giai điệu bài hát trẻ em. (Chỉ số 100).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hát đúng cao độ, giai điệu bài hát.</li> </ul>
Trẻ biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (Chỉ số 101).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện nét mặt, vận động (vỗ tay, lắc lư...) phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát hoặc bản nhạc</li> </ul>
Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (Chỉ số 102).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng nhiều loại vật liệu để làm ra 1 loại sản phẩm</li> </ul>
Trẻ biết nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (Chỉ số 103).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt tên cho sản phẩm</li> <li>- Trả lời được câu hỏi con vẽ / nặn / xé dán cái gì? Tại sao con làm như thế?</li> </ul>

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Trẻ nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. (Chỉ số 104).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm và nói đúng số lượng ít nhất đến 10 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...)</li> <li>- Đọc được các chữ số từ 1 đến 9 và chữ số 0.</li> <li>- Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được</li> </ul>
Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm. (Chỉ số 105).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tách 10 đồ vật (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) thành 2 nhóm ít nhất bằng 2 cách khác nhau (Ví dụ: nhóm có 3 và 7 hạt và nhóm có 5 và 5 hạt v..v..)</li> <li>- Nói được nhóm nào có nhiều hơn / ít hơn/ bằng nhau</li> </ul>
Trẻ biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.(Chỉ số 106).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt thước đo liên tiếp.</li> <li>- Nói đúng kết quả đo (Ví dụ bằng, 5 bước chân, 4 cái thước)</li> </ul>
Trẻ biết chỉ khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu. (Chỉ số 107).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc/kích thước khác nhau khi nghe gọi tên.</li> <li>- Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình hình học theo yêu cầu (ví dụ: quả bóng có dạng).</li> </ul>
Trẻ biết xác định vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác. (Chỉ số 108).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được vị trí của 1 vật so với 1 vật khác trong không gian (ví dụ: cái tủ ở bên phải cái bàn, cái ảnh ở bên trái cái bàn v..v..)</li> <li>- Nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng tập thể dục (ví dụ: Bạn Nam đứng ở bên trái bạn Lan và bên phải bạn Tuấn v..v..)</li> <li>- Đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu (Ví dụ: Đặt búp bê lên trên giá đồ chơi, đặt quả bóng ở bên phải của búp bê...)</li> </ul>
Trẻ biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự. (Chỉ số 109).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự (ví dụ: thứ hai, thứ ba, v..v..)</li> <li>- Nói được trong tuần những ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà.</li> </ul>
Trẻ biết phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày. (Chỉ số 110).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy.</li> <li>- Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn/ mẹ dặn ngày mai làm việc gì.</li> </ul>
Trẻ nói ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ. (Chỉ số 111).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì.</li> <li>- Nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (ví dụ: bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ v..v..)</li> </ul>
Trẻ hay đặt câu hỏi. (Chỉ số 112)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hay phát biểu khi học.</li> <li>- Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin.</li> <li>- Tập trung chú ý trong khi học.</li> </ul>
Trẻ thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.(Chỉ số 113).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới)</li> <li>- Hay hỏi về những thay đổi / mới xung quanh.</li> <li>- Hay đặt câu hỏi “Tại sao?”</li> <li>- Có thể có những hứng thú riêng.</li> </ul>



Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Trẻ biết giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày. (Chỉ số 114).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó.</li> <li>- Giải thích bằng mẫu câu “Tại vì... nên...”</li> </ul>
Trẻ biết loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại. (Chỉ số 115).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra sự giống nhau của 2 hoặc một nhóm đối tượng</li> <li>- Nhận ra sự khác biệt của 1 đối tượng trong nhóm so với những cái khác.</li> <li>- Giải thích đúng khi loại bỏ đối tượng khác biệt đó</li> </ul>
Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc. (Chỉ số 116).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra quy luật sắp xếp (hình ảnh, âm thanh, vận động...)</li> <li>- Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại.</li> <li>- Nói tại sao lại sắp xếp như vậy.</li> </ul>
Trẻ biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát. (Chỉ số 117).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dựa trên bài hát / câu truyện quen thuộc thay 1 từ hoặc 1 cụm từ (Ví dụ: Hát “Mẹ ơi mẹ con yêu mẹ lắm” thay cho “Bà ơi bà cháu yêu bà lắm”. Ví dụ: trên cơ sở nội dung truyện Dê.</li> </ul>
Trẻ biết thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. (Chỉ số 118)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ</li> <li>- Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác</li> <li>- Thực hiện cùng nhiệm vụ như các bạn.</li> </ul>
Trẻ biết thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. (Chỉ số 119).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi.</li> <li>- Xây dựng các “công trình” từ những khối xây dựng khác nhau.</li> </ul>
Trẻ biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác. (Chỉ số 120).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự đặt ra các câu thơ.</li> <li>- Tự đặt /bịa câu chuyện.</li> <li>- Đặt tên mới /mở đầu / tiếp tục /kết thúc câu chuyện theo</li> </ul>
<b>Lĩnh vực 3: Phát triển ngôn ngữ</b>	
Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên H đứng sang bên trái”.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp (Chỉ số 62).</li> <li>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với lứa tuổi (Chỉ số 63).</li> <li>- Nghe hiểu các bài thơ, bài hát, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi (Chỉ số 64).</li> </ul>
Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.</li> </ul>
Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn.</li> </ul>
Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự (Chỉ số 71).</li> </ul>

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.</li> <li>- Kể lại sự việc theo trình tự.</li> </ul>
Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”, “Có gì giống nhau?”, “Có gì khác nhau?”, “Do đâu mà có?”.</li> <li>- Đặt các câu hỏi: “Tại sao?”, “Như thế nào?”, “Làm bằng gì?”.</li> </ul>
Trẻ biết miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	- Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng.
Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.
Trẻ biết kể có thay đổi 1 vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.
Trẻ biết sử dụng các từ: “Cảm ơn”, “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Thưa”, “Dạ”, “Vâng”... phù hợp với tình huống.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh (Chỉ số 73).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết điều chỉnh cường độ giọng nói: Nói đủ nghe, không nói quá to, không nói lí nhí. Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, nơi công cộng, khi người khác đang làm việc. Không nói to, vui đùa khi có người buồn, bị mệt</li> <li>- Trẻ nói với một giọng điệu và tốc độ thích hợp, giao tiếp và đàm thoại với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện.</li> </ul>
Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem và nghe đọc sách các loại khác nhau.</li> <li>- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.</li> <li>- Giữ gìn, bảo vệ sách (Chỉ số 81).</li> </ul>
Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- “Đọc” truyện qua các tranh vẽ (Chỉ số 85).
Trẻ biết cách “Đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với cách đọc và viết Tiếng Việt.</li> <li>+ Hướng dẫn đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới (Chỉ số 90).</li> <li>+ Hướng viết các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</li> </ul>

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, cấm lửa, biển báo giao thông...(GD Kỹ năng sống).	- Làm quen với 1 số kí hiệu thông thường trong cuộc sống( nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...).
Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái (Chỉ số 91).
Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép 1 số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép 1 số kí hiệu, chữ cái, tên của mình (Chỉ số 88).
Trẻ biết nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi (Chỉ số 61).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra thái độ khác nhau (âu yếm, vui vẻ hoặc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói</li> <li>- Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện ( ví dụ chuyện Bác gấu Đen và hai chú thỏ, Cây táo thần...)</li> <li>- Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại một sự kiện.</li> <li>- Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói</li> </ul>
Trẻ biết nói rõ ràng (Chỉ số 65).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm đúng và rõ ràng.</li> <li>- Diễn đạt ý tưởng ; Trả lời được theo ý của câu hỏi (ví dụ trả lời rõ ràng câu hỏi “Balô của cháu ở đâu”).</li> <li>- Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình.</li> <li>- Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được</li> </ul>
Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày(Chỉ số 66).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các từ loại: danh từ, động từ, tính từ, trạng từ,... thông dụng trong lời nói</li> <li>- Sử dụng một số từ khác (liên từ, từ cảm thán, từ láy...) vào câu nói phù hợp với ngữ cảnh</li> </ul>
Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp(Chỉ số 67).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng nhiều danh từ, tính từ hay liên từ...khác nhau, những từ thông dụng và các loại câu đơn và câu đơn mở rộng để diễn đạt ý.</li> <li>- Dùng các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh (câu nếu... thì...; bởi vì...; tại vì...;) trong giao tiếp hàng ngày.</li> <li>- Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi (để làm gì? Tại sao? Vì sao?...)</li> <li>- Trả lời và đặt câu hỏi về nguyên nhân, mục đích, so sánh, phân loại...</li> </ul>
Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân(Chỉ số 68).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có thể dùng nhiều phương tiện khác nhau như từ, các loại câu, hình ảnh, chữ viết, âm nhạc, vận động và hành động để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của mình rõ ràng, mạch lạc để người khác hiểu được ý của bản thân.</li> <li>- Có thể dùng ngôn ngữ để tự diễn đạt và cố gắng làm cho người khác hiểu được cảm</li> </ul>

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
	<p>xúc của bản thân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa ra được những gợi ý, tham gia thoả thuận, trao đổi, hợp tác, chỉ dẫn bạn bè và người khác.</li> <li>- Khi nói, trẻ biết sử dụng sự diễn đạt thích hợp (cười, cau mày...), những cử chỉ đơn giản (vỗ tay, gật đầu...) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân.</li> </ul>
Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động (Chỉ số 69).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hướng dẫn bạn bè trong trò chơi, trong hoạt động học</li> </ul>
Trẻ kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được(Chỉ số 70).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói đầy đủ tình tiết sự việc theo trình tự lôgic nhất định.</li> <li>- Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy.</li> <li>- Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh.</li> <li>- Miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân.</li> </ul>
Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện(Chỉ số 72).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh.</li> <li>- Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác- Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau (nói một câu hoặc hỏi câu hỏi).</li> <li>- Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ và hợp tác với bạn bè.</li> </ul>
Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp (Chỉ số 74).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói.</li> <li>- Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt.</li> <li>- Khi nghe kể chuyện, trẻ có thể lắng nghe người kể một cách chăm chú và yên lặng trong một khoảng thời gian.</li> <li>- Trẻ rất chú ý lắng nghe người nói và phản ứng lại bằng nụ cười, gật đầu như dấu hiệu của sự hiểu biết.</li> </ul>
Trẻ biết không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện (Chỉ số 75).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.</li> <li>- Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác...</li> <li>- Trẻ thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong.</li> </ul>
Trẻ biết hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói (Chỉ số 76).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng câu hỏi để hỏi lại (ví dụ “Chim gì là di sáo sậu, “di” nghĩa là gì?)</li> <li>- Có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để làm rõ một thông tin khi nghe mà không hiểu.</li> </ul>
Trẻ biết sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống (Chỉ số 77).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như “tạm biệt”, “Xin chào”....</li> </ul>
Trẻ biết không nói tục, chửi bậy(Chỉ số 78).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nói những câu nói khiếm nhã, mất lịch sự.</li> </ul>
Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách.</li> </ul>

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
trường xung quanh (Chỉ số 79).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hay hỏi về chữ viết (truyện viết gì? Cái đó viết gì? Chữ đó viết như thế nào? Ai viết?)</li> <li>- Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe,...- Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp.</li> <li>- Chú ý đến hành động viết của người lớn (hỏi khi thấy người lớn viết).</li> <li>- Quan tâm, hỏi về chữ viết trong sách, báo, hàng hoá, bảng biểu... và cố gắng tìm kiếm thông tin về nghĩa của chữ viết ở xung quanh.</li> <li>- Quan tâm đến việc viết, thích sao chép lại</li> </ul>
Trẻ biết thể hiện sự thích thú với sách (Chỉ số 80).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện, ‘làm sách’,...</li> <li>- Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp (VD: Khi người lớn bắt đầu đọc sách, trẻ có thể tạm dừng việc khác và vui thích tham gia vào hoạt động đọc sách cùng người lớn.</li> <li>- Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe đọc.</li> </ul>
Trẻ biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (Chỉ số 82).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các ký hiệu về đồ dụng của trẻ như: khăn mặt, tủ đựng quần áo,</li> <li>- Biết được kí hiệu về thời tiết, Biết và tạo được tên của trẻ,</li> <li>- Nhận biết được ý nghĩa của các ký hiệu quen thuộc trong cuộc sống (bảng hiệu giao thông, quảng cáo, chữ viết, cấm hút thuốc, cột xăng...).</li> <li>- Nhận biết được các nhãn hàng hóa.</li> <li>- Trẻ có khả năng liên tưởng sau khi xem truyện tranh hay các biểu tượng thông dụng và hiểu được nghĩa mà chúng truyền tải</li> </ul>
Trẻ có một số hành vi như người đọc sách (Chỉ số 83).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ chỉ và nói được tên các phần sau của sách khi được yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trang bìa sách, các trang sách</li> <li>+ Lời (chữ) trong sách, tranh minh họa</li> <li>+ Tên sách</li> <li>+ Tên tác giả.</li> <li>+Bắt đầu và kết thúc.</li> </ul> </li> <li>- Cầm cuốn sách và giả vờ đọc cho bản thân hay cho người khác nghe. Cầm sách đúng chiều, giở trang sách từ phải sang trái, từng trang một.</li> <li>- Nhặt sách dưới sàn và đặt lên giá đúng chiều</li> </ul>
Trẻ biết “Đọc” theo truyện tranh đã biết (Chỉ	- Có hành vi tự kể chuyện theo sách truyện đã được nghe đọc

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
số 84).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ đọc sách theo sáng kiến của mình và có được các ý tưởng từ truyện tranh hay các từ ngữ</li> <li>- Nói được nghĩa của một số từ quen thuộc</li> <li>- Cố gắng đoán nghĩa của từ và nội dung chuyện dựa vào tranh minh họa, chữ cái và kinh nghiệm của bản thân để trong các hoạt động đọc/ kể chuyện.</li> <li>- Khi nghe đọc truyện, trẻ có thể trả lời câu hỏi “Theo cháu, cái gì sẽ xảy ra tiếp theo?”</li> </ul>
Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói (Chỉ số 86).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói.</li> <li>- Hiểu rằng chữ viết có một ý nghĩa nào đấy, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau (VD khi mẹ nhận được thiệp chúc mừng năm mới, trẻ hỏi “Thiệp viết gì đấy”).</li> <li>- Hiểu rằng chữ viết thể hiện các từ, câu của lời nói, một từ nói ra có thể viết được bằng ký hiệu chữ viết.</li> <li>- Nhận biết được từ trong văn bản, các từ cách nhau một khoảng trống.</li> </ul>
Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân (Chỉ số 87).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác.</li> <li>- Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ.</li> <li>- Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ</li> <li>- Thể hiện sự cố gắng tự mình viết ra, cố gắng tạo ra những biểu tượng, những hình mẫu ký tự có tính chất sáng tạo hay sao chép lại các ký hiệu, chữ, từ để biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân</li> </ul>
Trẻ biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình (Chỉ số 89).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sao chép tên của bản thân theo trật tự cố định trong các hoạt động</li> <li>- Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ</li> <li>- Sau khi vẽ tranh, viết tên của mình phía dưới</li> </ul>
<b>Lĩnh vực 4: Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội</b>	
Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại (Chỉ số 27).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, tuổi, giới tính, người thân trong gia đình...</li> </ul>
Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến (Chỉ số 34).</li> <li>- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.</li> </ul>
Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.</li> <li>- Sở thích, khả năng của bản thân (Chỉ số 29).</li> </ul>

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
khả năng).	
Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.
Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...) (Chỉ số 33).	- Tự rửa tay, đánh răng, rửa mặt, xếp quần áo....
Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao (GD Kỹ năng sống).	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.
Trẻ nhận biết được biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ (Chỉ số 35).	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè (Chỉ số 37).	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Tên gọi khác của Bác, nhà ở, quê hương, sinh nhật Bác...
Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.
Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường).

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
đi chơi phải xin phép.	
Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép (Chỉ số 54).	Nói cảm ơn, xin lỗi đúng lúc.
Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác (GD Kỹ năng sống).	Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự (Chỉ số 48).
Trẻ biết chờ đến lượt (Chỉ số 47).	Biết chờ đến lượt của mình.
Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn (Chỉ số 49).	Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận (Chỉ số 51,52).
Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn) (GD Kỹ năng sống).	- Làm hòa, không cãi nhau hay đánh nhau hoặc nhờ cô giải quyết mâu thuẫn.
Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc (Chỉ số 39).	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Nhặt và tự bỏ rác vào thùng rác.
Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ MT (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Giữ gìn vệ sinh môi trường (Chỉ số 57).
Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn (GD BV Môi trường-TN TN).	- Tiết kiệm điện, nước.
Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (Chỉ số 28).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết chọn và giải thích được lí do chọn trang phục phù hợp với thời tiết (nóng, lạnh, khi trời mưa).</li> <li>- Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy.</li> <li>- Bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái trong những việc nặng hơn khi được đề nghị</li> </ul>
Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân (Chỉ số 30).	- Nêu hoặc chọn lựa được các trò chơi, hoạt động mà mình thích (ví dụ: nêu trò chơi hay hoạt động mà mình thích khi được hỏi, ...)
Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đến cùng (Chỉ số 31).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối.</li> <li>- Nhanh chóng triển khai công việc.</li> <li>- Không tỏ ra chán nản, phân tán trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc.</li> <li>- Hoàn thành công việc được giao.</li> </ul>



Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Trẻ biết thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc (Chỉ số 32).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có biểu hiện một trong những dấu hiệu:</li> <li>- Khi làm xong một sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, vuốt ve.</li> <li>- Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác.</li> <li>- Cất cẩn thận sản phẩm</li> </ul>
Trẻ biết bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt (Chỉ số 36).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ</li> </ul>
Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp (Chỉ số 38).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có những biểu hiện:</li> <li>- Thích thú, reo lên, xuýt xoa trước cảnh đẹp thiên nhiên, cảnh đẹp trong một bức tranh.</li> <li>- Lắng nghe một cách thích thú tiếng chim kêu.</li> <li>- Nâng niu một bông hoa, một cây non, vuốt ve một con vật non...</li> </ul>
Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh (Chỉ số 40).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết nói khẽ, đi lại nhẹ nhàng khi người khác đang nghỉ hay bị ốm</li> <li>- Giữ thái độ chú ý trong giờ học.</li> <li>- Vui vẻ, hào hứng đối với các sự kiện tổ chức ở nhà và trường: sinh nhật, ngày hội...</li> <li>- Buồn khi phải chia tay với bạn bè, cô giáo khi ra trường.</li> </ul>
Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích (Chỉ số 41).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc, quăng quật đồ chơi,... ) với sự giúp đỡ của người lớn.</li> <li>- Biết sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực (khó chịu, tức giận) của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung</li> </ul>
Trẻ dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi (Chỉ số 42).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm.</li> <li>- Được mọi người trong nhóm tiếp nhận.</li> <li>- Chơi trong nhóm bạn vui vẻ, thoải mái</li> </ul>
Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi (Chỉ số 43).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động đến nói chuyện,</li> <li>- Sẵn lòng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi</li> </ul>
Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi (Chỉ số 44).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể chuyện cho bạn về chuyện vui, buồn của mình.</li> <li>- Sẵn sàng trao đổi, hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm</li> <li>- Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn</li> </ul>
Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn (Chỉ số 45).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động giúp bạn khi nhìn thấy bạn cần sự giúp đỡ.</li> <li>- Giúp đỡ ngay khi bạn hoặc người lớn yêu cầu.</li> </ul>
Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên (Chỉ số 46)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau</li> </ul>

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
46).	
Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè (Chỉ số 50).	<p>Khi xảy ra chuyện bất đồng ý kiến hoặc tranh giành nhau, trẻ :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác hoặc chấp nhận sự thoả hiệp).</li> <li>- Không đánh bạn, không giành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ</li> </ul>
Trẻ biết nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác (Chỉ số 53).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác.</li> <li>- Giải thích được phản ứng của bản thân đối với cảm xúc hoặc hành vi của bạn khác (con cho bạn ấy con khủng long vì con thấy bạn ấy buồn).</li> <li>- Đoán được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây ra phản ứng như thế nào</li> </ul>
Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn (Chỉ số 54).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết và thực hiện các quy tắc sau trong sinh hoạt hàng ngày :</li> <li>- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn.</li> <li>- Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà.</li> <li>- Thể hiện sự ăn năn, áy náy, xấu hổ, lo lắng khi phạm lỗi (đứng im, đỏ mặt, méo chảy nước mắt, cúi đầu, sợ hãi, ôm lấy người mình trót phạm lỗi) và nói lời xin lỗi</li> </ul>
Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết (Chỉ số 55).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn- Biết tìm sự hỗ trợ từ những người lớn trong cộng đồng (cô giáo, bác bảo vệ, bác hàng xóm, bác bán hàng...).</li> <li>- Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ đến sự giúp đỡ của người lớn.</li> <li>- Hỏi người lớn trước khi vi phạm các quy định chung.</li> </ul>
Trẻ biết nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường (Chỉ số 56).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử với môi trường xung quanh</li> </ul>
Trẻ nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân (Chỉ số 58).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói đúng khả năng của một số người gần gũi (VD: bạn Thanh vẽ đẹp; bạn Nam chạy rất nhanh; chú Hùng rất khoẻ; mẹ nấu ăn rất ngon).</li> </ul>
Trẻ biết chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình (Chỉ số 59).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác (sở thích về món ăn, sở thích về các đồ chơi, trò chơi,...).</li> <li>- Không chê bai bạn về: sản phẩm hoạt động hoặc quần áo, đồ dùng của bạn,...</li> </ul>
Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn (Chỉ số 60).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đồng ý, hay nêu ý kiến về nhận xét của cô về nhóm mình.</li> </ul>
<b>Lĩnh vực 5: Phát triển thẩm mỹ.</b>	
Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm</li> </ul>

Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp ) theo bài hát, bản nhạc.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.
Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.
Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.
Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.
Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.
Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.
Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.

<b>Mục tiêu giáo dục</b>	<b>Nội dung giáo dục</b>
Trẻ biết tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.</li> <li>- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).</li> </ul>
Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp).</li> </ul>
Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.</li> </ul>
Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặt tên cho sản phẩm của mình.</li> </ul>

*Phước Lại, ngày 01 tháng 9 năm 2024*

**BIÊN BẢN**  
**LẤY Ý KIẾN ĐÓNG GÓP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**  
**NĂM HỌC: 2024-2025**

**I- Thời gian và địa điểm**

**1- Thời gian:**

- Lúc 8 giờ, ngày 01 tháng 9 năm 2024

**2- Địa điểm:** Trường Mẫu Giáo Phước Lại

**II- Thành phần tham dự:**

**Phía nhà trường:**

- Bà Trần Ngọc Duy – Phó hiệu trưởng

**Phía giáo viên tổ Lá:**

- Bà: Nguyễn Thị Diễm Hằng. (Tổ trưởng chuyên môn)

- Bà: Lê Thị Huỳnh Như. (Tổ phó chuyên môn-thư ký)

- Thành phần: 10/11 GV Vắng 1 (Hậu sản)

**III- Nội dung**

- Vào lúc 08 giờ ngày 1 tháng 9 năm 2024 tại trường Mẫu Giáo Phước Lại

1. Bà Trần Ngọc Duy, phó hiệu trưởng nhà trường trình bày dự thảo kế hoạch Giáo dục năm học 2024 – 2025 cho các thành viên Hội đồng trường nghe.

Bản kế hoạch bao gồm các nội dung như sau:

- Đặc điểm tình hình.
- Mục tiêu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.
- Thời gian thực hiện chương trình.
- Nội dung, hình thức tổ chức.
- Biện pháp thực hiện.
- Tổ chức thực hiện.

**2. Ý kiến của GV tổ khối lá**

- Các thành viên thống nhất với các nội dung, chỉ tiêu, biện pháp thực hiện trong bản dự thảo kế hoạch giáo dục năm 2024-2025.

Trình chủ tịch hội đồng phê duyệt.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày./.

**Thư ký**

**Lê Thị Huỳnh Như**

**Chủ tịch Hội đồng**



*Nguyễn Thị Gái*

**Nguyễn Thị Gái**

*Phước Lại, ngày 01 tháng 9 năm 2024*

**BIÊN BẢN**  
**LẤY Ý KIẾN ĐÓNG GÓP KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**  
**NĂM HỌC: 2024-2025**

**I- Thời gian và địa điểm**

**1- Thời gian:**

- Lúc 8 giờ, ngày 01 tháng 9 năm 2024

**2- Địa điểm:** Trường Mẫu Giáo Phước Lại

**II- Thành phần tham dự:**

**Phía nhà trường:**

- Bà Trần Ngọc Duy – Phó hiệu trưởng.

**Phía giáo viên tổ chồi:**

- Bà: Lê Thị Thu Hương. (tổ trưởng chuyên môn chồi).

- Bà: Nguyễn Thanh Trúc. (tổ phó chuyên môn chồi-thư ký).

- Bà: Võ Thị Hoài Phương.

- Bà: Phạm Thị Lệ.

- Vắng: 0.

**III- Nội dung:**

- Vào lúc 08 giờ ngày 01 tháng 9 năm 2024 tại trường Mẫu Giáo Phước Lại.

1. Bà Trần Ngọc Duy, phó hiệu trưởng nhà trường trình bày dự thảo kế hoạch Giáo dục năm học 2024 – 2025 cho các thành viên Hội đồng trường nghe.

Bản kế hoạch bao gồm các nội dung như sau:

- Đặc điểm tình hình.
- Mục tiêu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.
- Thời gian thực hiện chương trình.
- Nội dung, hình thức tổ chức.
- Biện pháp thực hiện.
- Tổ chức thực hiện.

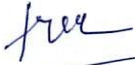
2. Ý kiến của GV tổ chồi.

- Các thành viên tổ chồi thống nhất với các nội dung, chỉ tiêu, biện pháp thực hiện trong bản dự thảo kế hoạch giáo dục năm 2024-2025.

Trình chủ tịch hội đồng phê duyệt.

Biên bản kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày./.

Thư ký



**Nguyễn Thanh Trúc**

Chủ tịch Hội đồng



**Nguyễn Thị Gái**